SỞ GD&ĐT TỈNH QUẢNG NINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN HẠ LONG
Số: 18/QĐ-THPTCHL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 01 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai thực hiện quyết toán thu chi ngân sách năm 2023 của Trường THPT chuyên Hạ Long

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ;

Căn cứ vào quyết định số: 12/QĐ-SGDĐT ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và Quyết định số: 1547/QĐ-SGDĐT ngày 09/11/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2023 cho trường THPT chuyên Hạ Long;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu - chi nguồn ngân sách nhà nước, nguồn khác năm 2023 của trường THPT chuyên Hạ Long (biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ trưởng Văn phòng, Tổ trưởng các tổ chuyên môn và toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên trường THPT chuyên Hạ Long chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn thư, kế toán.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN HẠ LONG

Đỗ Thị Diệu Thúy

Đơn vị: Trường THPT chuyên Hạ Long
Chương: 422

Biểu số 4
Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC

Năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 18./QĐ-THPT ngày 01/4/2024 của CHL)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	**Quyết toán thu**					
A	**Tổng số thu**	**7.077**	**7.077**			
1	Số thu phí, lệ phí					
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí					
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	7.077	7.077			
3	Thu sự nghiệp khác					
B	**Chi từ nguồn thu được để lại**	**6.966**	**6.966**	**14**		
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
1.1	Chi sự nghiệp					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
1.2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	6.966	6.966	14		
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
C	**Số thu nộp NSNN**	**72**	**72**			
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	72	72			
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	**Quyết toán chi ngân sách nhà nước**	**35.622**	**35.622**	**16.964**	**4.506**	
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Nghiên cứu khoa học					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	35.622	35.622	16.964	4.506	

MISA Mimosa 2022

Đơn vị: Trường THPT chuyên Hạ Long
Chương: 422

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	19.310	19.310	14.855	248	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	16.312	16.312	2.109	4.258	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
11	Chi Chương trình mục tiêu					
11.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia					
11.2	Chi Chương trình mục tiêu					